

**CÔNG TY TNHH MTV
XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU
XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

30/6/17

**Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016**



MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Hội đồng thành viên	1 - 3
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
03. Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 9
04. Báo cáo kết quả kinh doanh riêng	10
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
06. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 29

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ-UBND-TL ngày 29/06/2010 và theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

1. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Nguyễn Châu Thành
- Ông Nguyễn Hữu Phước
- Bà Trần Thị Thúy Hằng

Chức vụ

- Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Thành viên
- Thành viên, bổ nhiệm ngày 07/09/2015

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Võ Đình Quốc Huy

Chức vụ

- Kiểm soát viên, bổ nhiệm ngày 22/07/2016

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Nguyễn Hữu Phước
- Ông Thái Văn Thum
- Bà Trần Thị Thúy Hằng

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc

4. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đô thị, công trình công cộng;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Thi công xây dựng công trình thủy lợi (nạo vét kênh mương). Thi công công trình bờ kè, cầu cảng.
- Xây dựng công trình công cộng; đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư);
- Quản lý đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; giám sát thi công xây lắp;
- Thiết kế cho các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thử nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng;
- Khai thác cát;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông trộn sẵn.



CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động như đã liệt kê trên, ngoại trừ các hoạt động sản xuất gạch ngói nung và gạch lát nền và kinh doanh gỗ tròn và gỗ xẻ.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 10/11/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 29.

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Thực hiện theo Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp về việc cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp thành công ty cổ phần, Công ty đã cổ phần hóa và chính thức chuyển thành Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1400101396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Tháp ngày 07/11/2016, thời gian bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 11/11/2016. Thành phần Ban lãnh đạo Công ty cổ phần như sau:

Hội đồng quản trị:

Họ tên

- Ông Nguyễn Châu Thành
- Ông Nguyễn Hữu Phước
- Bà Trần Thị Thúy Hằng

Chức vụ

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Thành viên
- Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên

- Ông Võ Đình Quốc Huy
- Ông Đặng Thanh Hồng
- Bà Nguyễn Thị Thanh An

Chức vụ

- Trưởng Ban kiểm soát
- Thành viên
- Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ tên

- Ông Nguyễn Hữu Phước
- Ông Thái Văn Thum
- Bà Trần Thị Thúy Hằng
- Ông Nguyễn Thành Trung

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Hội đồng thành viên công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 10/11/2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Thay mặt Hội đồng thành viên

[Signature]

Nguyễn Châu Thành

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ngày 30 tháng 06 năm 2017





Số: 78 /2017/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (LẦN 2)

Kính gửi: **Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 06 năm 2017, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 10/11/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Số dư khoản trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư là 3.192.413.670 đồng được trích lập từ các năm trước. Theo quy định tại điều 10, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài Chính, báo cáo tài chính lập tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa không phải trích lập dự phòng các khoản giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp. Số dư khoản dự phòng nêu trên Công ty giữ lại theo văn bản chấp thuận số 1764/STC-TCĐN ngày 20/10/2015 của Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp.
- Thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh Đồng Tháp, Công ty sẽ bàn giao Khu công nghiệp Trần Quốc Toản cho đơn vị khác quản lý, nên Công ty không phân bổ doanh thu chưa thực hiện và chi phí tiền thuê đất kể từ ngày 01/01/2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp tại ngày 10/11/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này phát hành sửa đổi thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 90./2016/BCKT-SVCT ngày 30 tháng 11 năm 2016.



Nguyễn Quang Nhơn

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Lê Thị Hồng Phương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3578-2016-107-1

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10 tháng 11 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	10/11/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		421.870.705.898	405.178.147.817
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.370.768.240	6.766.854.744
1. Tiền	111		10.370.768.240	6.766.854.744
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	220.500.000.000	223.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		220.500.000.000	223.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	96.149.972.878	77.898.149.662
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		39.903.831.759	61.846.714.033
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.401.818.706	9.136.714.121
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		48.844.322.413	6.914.721.508
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	92.619.484.975	95.371.428.482
1. Hàng tồn kho	141		92.619.484.975	95.371.428.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	2.230.479.805	2.141.714.929
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.857.006.524	2.022.992.929
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		373.473.281	118.722.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10 tháng 11 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	10/11/2016	01/01/2016
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.296.852.211	104.141.772.495
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.6	1.812.146.841	1.962.324.815
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		1.812.146.841	1.962.324.815
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		120.386.409.802	87.775.165.862
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	117.760.038.834	84.992.729.554
Nguyên giá	222		272.674.208.891	181.796.478.532
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154.914.170.057)	(96.803.748.978)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.626.370.968	2.782.436.308
Nguyên giá	228		4.986.604.330	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.360.233.362)	(2.204.168.022)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	404.586.325	1.130.181.818
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		404.586.325	1.130.181.818
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	11.664.838.971	11.897.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.664.838.971	11.897.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.192.413.670	1.192.413.670
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.192.413.670)	(3.192.413.670)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.11	7.028.870.272	1.376.600.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.028.870.272	1.376.600.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		563.167.558.109	509.319.920.312

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10 tháng 11 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	10/11/2016	01/01/2016
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		177.167.558.109	166.423.534.947
I. Nợ ngắn hạn	310		133.680.761.980	121.395.021.997
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	12.899.490.212	8.181.738.998
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	28.737.148.036	27.665.838.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	20.696.660.953	6.057.886.455
4. Phải trả người lao động	314		39.527.492.686	24.283.769.254
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.355.586.507	6.104.396.054
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	13.958.206.034	12.447.380.193
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	12.506.177.552	4.999.995.608
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	31.654.017.147
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		43.486.796.129	45.028.512.950
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	40.895.436.823	40.895.436.823
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	2.591.359.306	4.133.076.127
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

577
CHÍNH
ÔNG
KIỂM
SAO
BẢNG

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10 tháng 11 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		386.000.000.000	342.896.385.365
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	386.000.000.000	342.896.385.365
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		386.000.000.000	307.249.526.616
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	35.646.858.749
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		563.167.558.109	509.319.920.312


Nguyễn Thu Cúc
Người lập biểu
Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng
Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc
Lập ngày 30 tháng 06 năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10 tháng 11 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	303.579.271.159	345.238.354.698
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	407.574.867	2.129.037.274
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		303.171.696.292	343.109.317.424
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	227.473.539.321	262.158.311.689
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		75.698.156.971	80.951.005.735
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	23.839.539.179	15.781.965.483
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	507.464.079	(435.384.969)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		507.464.079	366.153.047
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	20.158.061.354	22.151.776.565
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	47.743.862.365	43.567.115.947
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.128.308.352	31.449.463.675
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.947.078.539	6.732.153.267
12. Chi phí khác	32	VI.9	850.515.077	2.666.613.918
13. Lợi nhuận khác	40		3.096.563.462	4.065.539.349
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.224.871.814	35.515.003.024
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	6.748.061.944	7.817.303.669
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.476.809.870</u>	<u>27.697.699.355</u>

Nguyễn Thu Cúc
Người lập biểuNguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Lập ngày 30 tháng 06 năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10 tháng 11 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		353.084.484.934	405.210.926.396
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(91.048.202.491)	(89.105.442.781)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.761.952.934)	(31.448.126.900)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5.378.055.810)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		23.917.869.757	15.842.128.869
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(277.427.834.898)	(316.370.405.239)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30.613.691.442)	(15.870.919.655)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(715.000.000)	(18.225.884.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.238.300.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.000.000.000)	(91.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.500.000.000	107.192.638.889
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.689.636.327	14.922.900.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.712.936.327	12.889.655.463



CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10 tháng 11 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		91.080.000.000	65.075.586.110
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(83.575.331.389)	(56.183.910.759)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.504.668.611	8.891.675.351
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.603.913.496	5.910.411.159
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.766.854.744	856.443.585
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.370.768.240	6.766.854.744



Nguyễn Thu Cúc
Người lập biểu



Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc
Lập ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ-UBND-TL ngày 29/06/2010 và theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 307.249.526.616 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 10/11/2016 là: 386.000.000.000.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất công nghiệp.

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Kinh doanh xây lắp, khai thác cát.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đô thị, công trình công cộng;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Thi công xây dựng công trình thủy lợi (nạo vét kênh mương). Thi công công trình bờ kè, cầu cảng.
- Xây dựng công trình công cộng; đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư);
- Quản lý đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; giám sát thi công xây lắp;
- Thiết kế cho các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thử nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng;
- Khai thác cát;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông trộn sẵn.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động như đã liệt kê trên, ngoại trừ các hoạt động sản xuất gạch ngói nung và gạch lát nền và kinh doanh gỗ tròn và gỗ xẻ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	Cao Lãnh, Đồng Tháp	51,0%	51,0%	Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ.
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC ĐT	Cao Lãnh, Đồng Tháp	68,0%	68,0%	Thiết kế, khảo sát, giám sát công trình xây dựng.
Công ty TNHH Bông đá Đồng Tháp	Cao Lãnh, Đồng Tháp	20,0%	20,0%	Bông đá

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp xây dựng;	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Xây dựng
Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất;	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Đầu tư và kinh doanh nhà đất
Xí nghiệp cơ khí sửa chữa;	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Sửa chữa cơ khí
Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng BMC – DT;	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Thử nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng
Nhà máy bê tông.	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Sản xuất bê tông
Sàn giao dịch bất động sản	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Sàn giao dịch bất động sản
Ban QLDA KCN Trần Quốc Toản	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Khu công nghiệp

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm cuối cùng được bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 10/11/2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Đơn vị trình bày: VND

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

3. Cổ phần hóa

Thực hiện theo Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp về việc cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp thành công ty cổ phần, Công ty đã cổ phần hóa và chính thức chuyển thành Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1400101396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Tháp ngày 11/11/2016, thời gian bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 11/11/2016.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và số dư của các tài khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra tại ngày 10/11/2016 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc xác định công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác: dựa theo tỷ lệ quyền biểu quyết.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao một số tài sản cố định vượt khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý
- TSCĐ khác
- TSCĐ vô hình

Thời gian khấu hao ước tính

- 10 - 25 năm
- 6 - 30 năm
- 6 - 10 năm
- 4 - 7 năm
- 10 - 20 năm
- 5 năm

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng tại Công ty là 20%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Tháp, Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn sẽ bàn giao cho đơn vị khác quản lý và không tính vào giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2015 khi cổ phần hóa, do vậy Công ty đã không phân bổ doanh thu cho thuê đất nhận trước và ghi nhận chi phí tiền thuê đất của Nhà nước kể từ ngày 01/01/2016.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận căn cứ vào báo cáo khối lượng xây lắp đã hoàn thành và nghiệm thu hoặc báo cáo quyết toán.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

18. Nguyên tắc xác định chi phí tiền lương

Công ty ghi nhận chi phí tiền lương của người lao động và chi phí tiền lương của viên chức quản lý số tiền 53.992.749.396 đồng. Đến ngày phát hành bản báo cáo này, Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chi phí tiền lương từ ngày 01/01/2016 đến ngày 10/11/2016. Do vậy chi phí quỹ tiền lương của người lao động và viên chức quản lý sẽ tùy thuộc vào kết quả phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của cơ quan có thẩm quyền.

19. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	10/11/2016	01/01/2016
Tiền mặt tại quỹ	4.250.836.976	5.346.981.389
Tiền gửi ngân hàng	6.119.931.264 (a)	1.419.873.355
Cộng	10.370.768.240	6.766.854.744

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Vietinbank Đồng Tháp	6.067.319.563	1.400.183.261
- Sacombank Đồng Tháp	34.399.823	1.067.719
- Ngân hàng Phương Nam Đồng Tháp	13.496.030	13.943.927
- Agribank Cao Lãnh, Đồng Tháp	4.715.848	4.678.448
Cộng	6.119.931.264	1.419.873.355

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	10/11/2016	01/01/2016
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	220.500.000.000	223.000.000.000
Cộng	220.500.000.000	223.000.000.000

Chi tiết số dư khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn như sau:

	10/11/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	220.500.000.000	-	223.000.000.000	-
Cộng	220.500.000.000	-	223.000.000.000	-

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	10/11/2016	01/01/2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	39.903.831.759 (b)	61.846.714.033
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.401.818.706 (c)	9.136.714.121
Phải thu ngắn hạn khác	48.844.322.413 (d)	6.914.721.508
Cộng	96.149.972.878	77.898.149.662

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Văn phòng Công ty	1.273.741.981	8.679.434.892
- Xí nghiệp xây dựng	18.392.587.401	22.798.128.411
- Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	-	38.000.000
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	12.343.752.600	21.045.738.000
- Nhà máy bê tông	4.479.052.920	6.238.025.926
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	366.102.860	530.205.189
- Cửa hàng Trần Quốc Toàn	809.565.658	939.838.952
- Cửa hàng Cao Lãnh	1.364.849.637	939.220.699
- Cửa hàng Sa Đéc	537.000.450	494.697.889
- Cửa hàng Xẻo Vạt	337.178.252	143.424.075
Cộng	39.903.831.759	61.846.714.033

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Văn phòng Công ty	4.853.457.449	4.002.282.511
- Xí nghiệp xây dựng	1.230.870.257	1.117.044.010
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	1.264.621.000	3.973.887.600
- Nhà máy bê tông	17.000.000	30.500.000
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	35.870.000	13.000.000
Cộng	7.401.818.706	9.136.714.121

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
Các khoản phải thu khác	44.344.322.413	6.914.721.508
- Phải thu về cổ phần hóa	-	204.060.000
- Ban quản lý Cụm Công nghiệp Trường Xuân	35.592.213.134	-
- Tạm ứng	1.931.401.975	1.354.309.757
- Phải thu khác	6.820.707.304	5.356.351.751
Phải thu khác-các bên liên quan	4.500.000.000	-
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế BMC Đồng Tháp	4.500.000.000	-
Cộng	48.844.322.413	6.914.721.508

4. Hàng tồn kho

	10/11/2016	01/01/2016
Nguyên liệu, vật liệu	12.943.490.625 (e)	13.699.659.083
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.025.694.511 (f)	12.502.778.677
Thành phẩm	3.905.057.196 (g)	6.773.202.876
Hàng hoá	5.223.877.588 (h)	5.688.651.970
Hàng hoá bất động sản	58.521.365.055 (i)	56.707.135.876
Cộng	92.619.484.975	95.371.428.482

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất:

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: 0.
- Lý do dẫn đến việc trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

(e) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Nguyên liệu, vật liệu	6.108.458.639	5.352.248.598
- Vật liệu phụ	72.022.500	27.120.500
- Nhiên liệu	1.316.214.134	1.324.238.682
- Vật tư thay thế	5.446.795.352	6.996.051.303
Cộng	12.943.490.625	13.699.659.083

(f) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Chi phí xây lắp dở dang	12.025.694.511	12.502.778.677
Cộng	12.025.694.511	12.502.778.677

(g) Chi tiết số dư thành phẩm như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Thành phẩm tại Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	50.296.951	70.339.934
- Thành phẩm tại Nhà máy bê tông	3.283.492.954	5.748.318.414
- Thành phẩm khác	571.267.291	954.544.528
Cộng	3.905.057.196	6.773.202.876

(h) Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Vật liệu xây dựng	5.223.877.588	5.688.651.970
Cộng	5.223.877.588	5.688.651.970

(i) Chi tiết số dư hàng hóa bất động sản như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Bất động sản (nhà đất)	58.521.365.055	56.707.135.876
Cộng	58.521.365.055	56.707.135.876

5. Tài sản ngắn hạn khác

	10/11/2016	01/01/2016
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.857.006.524 (j)	2.022.992.929
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	373.473.281	118.722.000
Cộng	2.230.479.805	2.141.714.929

(j) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Chi phí công cụ dụng cụ	1.161.227.790	-
- Chi phí sửa chữa tài sản	365.576.764	42.793.218
- Chi phí trả trước tiền thuê tài sản	180.618.900	-
- Chi phí cấp phép khai thác cát	136.557.070	-
- Chi phí trả trước khác	13.026.000	1.980.199.711
Cộng	1.857.006.524	2.022.992.929

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

6. Các khoản phải thu dài hạn

	10/11/2016	01/01/2016
Phải thu dài hạn khác	1.812.146.841 (k)	1.962.324.815
Cộng	1.812.146.841	1.962.324.815

(k) Chi tiết số dư phải thu dài hạn khác như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Các khoản ký quỹ, ký cược	1.812.146.841	1.962.324.815
Cộng	1.812.146.841	1.962.324.815

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	01/01/2016	Tăng	Giảm	10/11/2016
Nguyên giá	181.796.478.532	104.579.558.803	13.701.828.444	272.674.208.891
- Nhà cửa, vật kiến trúc	19.588.412.652	5.436.506.642	264	25.024.919.030
- Máy móc thiết bị	135.834.093.981	78.749.480.231	7.389.546.156	207.194.028.056
- PT vận tải, TB truyền dẫn	25.163.866.528	20.159.951.930	6.042.734.454	39.281.084.004
- Thiết bị quản lý	686.550.567	233.620.000	269.547.570	650.622.997
- Tài sản cố định khác	523.554.804	-	-	523.554.804
Hao mòn lũy kế	96.803.748.978	73.381.016.588	15.270.595.509	154.914.170.057
- Nhà cửa, vật kiến trúc	7.122.642.998	4.233.599.524	356.859.476	10.999.383.046
- Máy móc thiết bị	74.388.731.704	53.697.607.668	9.210.496.128	118.875.843.244
- PT vận tải, TB truyền dẫn	14.694.477.664	15.240.109.529	5.401.737.736	24.532.849.457
- Thiết bị quản lý	582.991.628	179.643.951	301.502.169	461.133.410
- Tài sản cố định khác	14.904.984	30.055.916	-	44.960.900
Giá trị còn lại	84.992.729.554			117.760.038.834
- Nhà cửa, vật kiến trúc	12.465.769.654			14.025.535.984
- Máy móc thiết bị	61.445.362.277			88.318.184.812
- PT vận tải, TB truyền dẫn	10.469.388.864			14.748.234.547
- Thiết bị quản lý	103.558.939			189.489.587
- Tài sản cố định khác	508.649.820			478.593.904

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 38.922.662.240
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Mua trong năm	10.723.674.544
- Đầu tư nâng cấp TSCĐ	300.700.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	3.275.822.481
- Tăng do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	4.738.720.164
- Tăng do đánh giá lại giá trị TSCĐ khi cổ phần hóa	85.540.641.614
Cộng	104.579.558.803

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Thanh lý, nhượng bán	4.060.552.065
- Giảm do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	4.738.720.164
- Giảm do bàn giao TSCĐ chờ thanh lý cho Công ty mua bán nợ	2.371.045.232
- Giảm do đánh giá lại giá trị TSCĐ khi cổ phần hóa	2.531.510.983
Cộng	13.701.828.444

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	11.391.122.050
- Tăng do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	3.758.239.807
- Tăng do đánh giá lại TSCĐ khi cổ phần hóa	58.231.654.731
Cộng	73.381.016.588

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Thanh lý, nhượng bán	3.917.217.596
- Giảm do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	3.758.239.807
- Giảm do bàn giao TSCĐ chờ thanh lý cho Công ty mua bán nợ	2.371.045.232
- Giảm do đánh giá lại TSCĐ khi cổ phần hóa	5.224.092.874
Cộng	15.270.595.509

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	01/01/2016	Tăng	Giảm	10/11/2016
Nguyên giá	4.986.604.330	-	-	4.986.604.330
- Quyền sử dụng đất	2.397.616.725	-	-	2.397.616.725
- Phần mềm kế toán	76.000.000	-	-	76.000.000
- TSCĐ vô hình khác	2.512.987.605	-	-	2.512.987.605
Hạ mòn lũy kế	2.204.168.022	156.065.340	-	2.360.233.362
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	76.000.000	-	-	76.000.000
- TSCĐ vô hình khác	2.128.168.022	156.065.340	-	2.284.233.362
Giá trị còn lại	2.782.436.308			2.626.370.968
- Quyền sử dụng đất	2.397.616.725			2.397.616.725
- Phần mềm kế toán	-			-
- TSCĐ vô hình khác	384.819.583			228.754.243

Chi tiết khấu hao tài sản cố định vô hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	156.065.340
Cộng	156.065.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

9. Tài sản dở dang dài hạn

	10/11/2016	01/01/2016
- Chi phí mua sắm TSCĐ	404.586.325	1.118.181.818
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	-	12.000.000
Cộng	404.586.325	1.130.181.818

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	10/11/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty con	11.664.838.971	-	11.897.500.000	-
Cty CP Vận tải BMC ĐT	11.100.017.122	-	9.180.500.000	-
Cty CP TVTK XD BMC ĐT	564.821.849	-	2.717.000.000	-
Công ty liên doanh, liên kết	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cty TNHH Bóng đá Đồng Tháp	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Góp vốn vào đơn vị khác	1.192.413.670	1.192.413.670	1.192.413.670	1.192.413.670
Công ty CP Docimexco	1.192.413.670	1.192.413.670	1.192.413.670	1.192.413.670
Cộng	14.857.252.641	3.192.413.670	15.089.913.670	3.192.413.670

- Giá trị khoản đầu tư vào các Công ty con tăng giảm là do đánh giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.
- Công ty TNHH Bóng đá Đồng Tháp lỗ âm vốn, đã ngừng hoạt động và đang tiến hành các thủ tục giải thể doanh nghiệp. Công ty vẫn đang trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư.
- Công ty CP Docimexco lỗ âm vốn, đã bị hủy giao dịch trên HOSE. Công ty vẫn đang trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

11. Tài sản dài hạn khác

	10/11/2016	01/01/2016
Chi phí trả trước dài hạn	7.028.870.272 (l)	1.376.600.000
Cộng	7.028.870.272	1.376.600.000

(l) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Chi phí thuê mặt bằng	698.153.971	889.600.000
- Chi phí công cụ, dụng cụ	61.397.909	-
- Chi phí cấp phép khai thác cát	6.269.318.392	487.000.000
Cộng	7.028.870.272	1.376.600.000

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	10/11/2016	01/01/2016
- Văn phòng Công ty	7.942.797.640	3.468.586.688
- Xí nghiệp xây dựng	943.506.335	588.974.954
- Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	32.618.210	6.525.750
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	233.295.357	894.109.826
- Nhà máy bê tông	1.794.176.746	560.754.600
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	4.741.317	8.000.000
- Cửa hàng Trần Quốc Toàn	282.953.533	599.827.920
- Cửa hàng Cao Lãnh	625.567.518	1.032.124.632
- Cửa hàng Sa Đéc	475.040.102	384.447.476
- Cửa hàng Xẻo Vạt	564.793.454	638.387.152
Cộng	12.899.490.212	8.181.738.998

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	10/11/2016	01/01/2016
- Văn phòng Công ty	10.061.237.623	2.280.805.242
- Xí nghiệp xây dựng	8.584.158.031	11.520.831.887
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	9.196.171.578	11.194.374.000
- Nhà máy bê tông	622.668.295	2.243.362.332
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	248.664.000	177.436.100
- Cửa hàng Trần Quốc Toàn	-	1.971.104
- Cửa hàng Cao Lãnh	21.152.499	126.364.474
- Cửa hàng Sa Đéc	-	42.893.691
- Cửa hàng Xẻo Vạt	3.096.010	77.799.458
Cộng	28.737.148.036	27.665.838.288

14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	10/11/2016	01/01/2016
- Thuế GTGT phải nộp	-	249.850.034
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	864.984.926	939.442.559
- Thuế thu nhập cá nhân	198.838.341	146.220.126
- Thuế tài nguyên	3.314.502.000	1.235.793.260
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.518.507.328	-
- Các loại thuế khác	8.022.463.890	348.394.189
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.777.364.468	3.138.186.287
Cộng	20.696.660.953	6.057.886.455

15. Chi phí phải trả

	10/11/2016	01/01/2016
- Trích trước chi phí lãi vay	32.195.253	-
- Trích trước chi phí xây lắp, thiết kế	-	775.469.000
- Trích trước CP dự án KCN Trần quốc Toàn	5.230.099.152	5.328.927.054
- Chi phí phải trả khác	93.292.102	-
Cộng	5.355.586.507	6.104.396.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	10/11/2016	01/01/2016
- Kinh phí công đoàn	44.863.889	274.919.201
- Phải trả về cổ phần hóa	6.887.076.026	-
- Phải trả khác	7.026.266.119	12.172.460.992
Cộng	13.958.206.034	12.447.380.193

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	10/11/2016	01/01/2016
- BIDV, Chi nhánh Đồng Tháp	12.506.177.552	4.999.995.608
Cộng	12.506.177.552	4.999.995.608

18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	10/11/2016	01/01/2016
- Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	40.895.436.823	40.895.436.823
Cộng	40.895.436.823	40.895.436.823

18. Phải trả dài hạn khác

	10/11/2016	01/01/2016
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.591.359.306	4.133.076.127
Cộng	2.591.359.306	4.133.076.127

Chi tiết số dư nhận ký quỹ, ký cược dài hạn như sau:

	10/11/2016	01/01/2016
- Nhận ký quỹ bảo đảm thực hiện công trình	2.591.359.306	4.133.076.127
Cộng	2.591.359.306	4.133.076.127

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại TS	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	307.249.526.616	-	51.736.338.719	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	27.697.699.355
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.104.235.634	(7.104.235.634)
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(347.625.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(12.645.838.721)
Bàn giao KCN Trần Quốc Toản	-	-	(15.397.434.881)	-
Phải nộp BQL Khu kinh tế	-	-	(7.796.280.723)	-
Nộp thuế TNDN năm trước	-	-	-	(7.600.000.000)
Số dư đầu năm nay	307.249.526.616	-	35.646.858.749	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	27.476.809.870
Đánh giá lại TS khi CP hóa	-	43.375.088.074	-	-
Tăng vốn từ CL đánh giá TS và Quỹ đầu tư phát triển	78.773.171.076	(43.375.088.074)	(35.398.083.002)	-
Giảm vốn do bàn giao TS	(22.697.692)	-	-	-
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(300.997.500)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(12.896.190.600)
Lợi nhuận còn lại phải nộp	-	-	-	(14.257.470.101)
Giảm khác	-	-	(248.775.747)	(22.151.669)
Số dư cuối năm nay	386.000.000.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
- Doanh thu bán hàng hóa	53.133.393.331	59.985.174.345
- Doanh thu thành phẩm	214.287.301.639	238.497.823.924
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.805.147.100	4.970.264.459
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	33.353.429.089	41.785.091.970
Cộng	303.579.271.159	345.238.354.698

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
- Giảm giá hàng bán	407.345.454	2.129.037.274
- Hàng bán bị trả lại	229.413	-
Cộng	407.574.867	2.129.037.274

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
- Giá vốn bán hàng hóa	40.156.668.699	45.378.838.902
- Giá vốn thành phẩm	162.847.958.700	188.924.280.073
- Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	24.468.911.922	27.855.192.714
Cộng	227.473.539.321	262.158.311.689

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	22.644.784.512	14.695.559.379
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.101.660.000	918.050.000
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	93.094.667	68.333.300
- Thu hoạt động tài chính khác	-	100.022.804
Cộng	23.839.539.179	15.781.965.483

5. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí lãi vay	507.464.079	366.153.047
- Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	6.000.000
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(807.538.016)
Cộng	507.464.079	(435.384.969)

6. Chi phí bán hàng

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí nhân viên	5.491.718.095	6.846.075.150
- Chi phí vật liệu, bao bì	4.464.683.044	2.702.816.722
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.696.087.968	3.266.224.756
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.226.717.216	8.377.080.371
- Chi phí bằng tiền khác	1.278.855.031	959.579.566
Cộng	20.158.061.354	22.151.776.565

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí nhân viên quản lý	31.632.318.405	30.408.541.853
- Chi phí vật liệu quản lý	187.893.093	303.407.362
- Chi phí đồ dùng văn phòng	423.971.819	166.508.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	817.329.804	1.193.087.560
- Thuế, phí và lệ phí	3.333.407.224	1.074.124.731
- Chi phí dự phòng	-	(5.011.617.237)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.541.349.694	1.479.059.820
- Chi phí bằng tiền khác	9.807.592.326	13.954.003.858
Cộng	47.743.862.365	43.567.115.947

8. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
- Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	1.288.248.697
- Thu bán phế liệu	254.540.021	224.981.869
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	3.461.561.074	4.421.483.208
- Các khoản thu khác	230.977.444	797.439.493
Cộng	3.947.078.539	6.732.153.267

9. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	393.682.970	-
- Lỗ do thanh lý vật tư, bán phế liệu	-	1.867.762.413
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	137.496.606	664.200.025
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	39.734.202	80.204.480
- Chi phí khác	279.601.299	54.447.000
Cộng	850.515.077	2.666.613.918

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (1)	-
Lợi nhuận trước thuế năm nay (2)	34.224.871.814
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3)	141.171.530
- Các khoản chi phí không được trừ	141.171.530
Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4)	1.101.660.000
- Thu nhập từ lãi cổ tức	1.101.660.000
Lợi nhuận chịu thuế năm nay (5)=(2)+(3)-(4)	33.264.383.344
- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%	33.464.383.344
Thuế TNDN	6.748.061.944
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6)	6.748.061.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 10/11/2016

Đơn vị trình bày: VND

Tổng lợi nhuận sau thuế (7)=(1)+(2)-(6)	27.476.809.870
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	300.997.500
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	12.896.190.600
- Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN	14.257.470.101
- Nộp thuế TNDN năm trước	22.151.669

Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm -

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

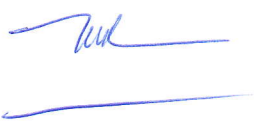
1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.
3. Thông tin về các bên liên quan: không có.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.



Nguyễn Thu Cúc
Người lập



Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc
Lập ngày 30 tháng 06 năm 2017